



Exercise: put the words in the text.

name: _____

mā mā
妈妈

xué xí
学习

kàn shū
看书

zuò shén me
做什么

tán gāng qín
弹钢琴

dǎ tài jí quán
打太极拳

bà bà
爸爸

xiǎo lóng : nǎi nǎi , wǒ xiǎng nǐ . nǐ xiǎng wǒ ma ?
小龙 : 奶奶，我想你。你想我吗？

nǎi nǎi : wǒ fēi cháng xiǎng nǐ . nǐ zài ?
奶奶 : 我非常想你。你在？

xiǎo lóng : wǒ zài
小龙 : 我在

nǎi nǎi : nǐ bà ba mā ma zài zuò shén me ?
奶奶 : 你爸爸妈妈在做什么？

xiǎo lóng : zài , zài
小龙 : 在，在

yé yé hǎo ma ?
爷爷好吗？

nǎi nǎi : tā hěn hǎo . tā zài
奶奶 : 他很好。他在